



VOSA CORPORATION

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của ban Tổng Giám Đốc	2 – 6
3. Báo cáo kiểm toán	7 – 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011	9 – 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	14 – 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	16 – 49
8. Phụ lục	50

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 7 năm 2009 về bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 4 năm 2009 về thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (VND)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Vốn nhà nước:	59.415.000.000	51,00
- Đại diện: + Ông Trần Dũng Kháng + Ông Phạm Mạnh Cường + Ông Vũ Xuân Trung + Ông Trịnh Vũ Khoa		
Các cổ đông khác	57.085.000.000	49,00
Cộng	116.500.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 39.141.490 - 39.140.422
Fax : (84-8) 38.214.919 - 39.140.423
E-mail : vosagroup@hcm.vnn.vn
Website : www.vosagroup.com
Mã số thuế : 0300437898

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh).	Số 70 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng (Vosa Hải Phòng).	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
3. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội (Vosa Hà Nội).	Phòng 707 (lầu 7), số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
4. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy (Vosa Bến Thủy).	Số 86 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
5. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng (Vosa Đà Nẵng).	Số 03 đường Quang Trung, phường Hải Châu, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
6. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Số 147 đường Trần Hưng Đạo, TP. Quy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
– Đại lý hàng hải Quy Nhơn (Vosa Quy Nhơn).	Nhơn, tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang (Vosa Nha Trang).	Số 10, đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
8. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu (Vosa Vũng Tàu).	Số 4 Quang Trung, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn).	Số 3-5-7 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
10. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (Vosa Cần Thơ).	Số 53A-B đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
11. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý vận tải Quốc tế phía Bắc (North Freight).	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
12. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Dịch vụ hàng hải Phương Đông (Orimas).	Số 54 đường Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
13. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý, dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra).	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
14. Chi nhánh Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas).	Số 44 đường Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật giao thông vận tải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương);
- Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật;
- Nhập khẩu tàu cũ để phá dỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu;
- Dịch vụ chuyển phát bưu kiện (chỉ được kinh doanh khi có giấy phép của Tổng Cục Bưu điện);
- Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu;
- Vận tải container bằng đường bộ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, máy vi tính, trang thiết bị văn phòng, hàng triển lãm;
- Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu, máy in công nghiệp các loại, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm, thiết bị viễn thông;
- Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- San lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý ký gửi hàng hóa và đại lý bán vé máy bay;
- Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm: phân bón các loại;
- Sản xuất, gia công và mua bán các loại bao bì (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng;
- Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Mua bán, cho thuê và sửa chữa container;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán than, vật liệu xây dựng (không mua bán tại trụ sở);
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở);
- Kinh doanh lễ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas);
- Môi giới (trừ môi giới bất động sản).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Shipping Việt Nam ^(*)	China Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Môi giới hàng hải, giao nhận hàng hóa và kho vận, kinh doanh kho bãi, cung ứng tàu biển, cho thuê và sửa chữa container, vận tải đường bộ và đường biển.	51,00%
Công ty TNHH SYMS Nam ^(**)	Việt Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp hàng hải, dịch vụ đại lý giao nhận hàng hóa nội địa và quốc tế, dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa, dịch vụ thông quan	51,00%
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosaland)	Lâu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.	51,00%

(*) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2011, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 11% vốn sở hữu tại Công ty TNHH China Shipping Việt Nam nên vẫn hợp nhất Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty này. Tuy nhiên, Công ty TNHH China Shipping Việt Nam chưa hoàn tất thủ tục đăng ký lại với cơ quan thẩm quyền về việc thay đổi cơ cấu vốn.

(**) Đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 nhưng đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 vẫn chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 49).

Trong năm, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2010 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 thông qua như sau:

- Trích lập các quỹ:
 - + Quỹ đầu tư phát triển: 2.809.437.552 VND
 - + Quỹ dự phòng tài chính: 1.712.385.630 VND
 - + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 1.712.385.630 VND
 - + Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 5.137.156.889 VND
 - + Quỹ đối ngoại, phát triển kinh doanh: 342.477.126 VND
 - + Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát: 342.477.126 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Chia cổ tức: 12 % mệnh giá tương đương 13.980.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Dũng Kháng	Chủ tịch	23 tháng 3 năm 2009	-
Ông Phạm Mạnh Cường	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Vũ Xuân Trung	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Trần Xuân Nam	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	01 tháng 01 năm 2011
Ông Tô Hiếu Thuận	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Trưởng ban	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Dương Như Hùng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Đặng Huy Lập	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Võ Trung Thăng	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Bà Phùng Thị Nga	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2011	-
Ông Trần Dũng Kháng	Tổng Giám đốc	16 tháng 6 năm 2006	30 tháng 6 năm 2011
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 6 năm 2006	-
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 10 năm 2010	30 tháng 6 năm 2011
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 10 năm 2010	-
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 10 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị

(Đã ký)

Trần Dũng Kháng
Chủ tịch

Ngày 04 tháng 05 năm 2012

Số: 0506/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 4 năm 2012, từ trang 9 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

- Công ty TNHH SYMS Việt Nam – công ty con bị loại ra khỏi quá trình hợp nhất Báo cáo tài chính năm 2009 do Công ty này đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 và không có Báo cáo tài chính (xem thuyết minh I.6).
- Các thông tin phục vụ cho việc trình bày khoản đầu tư vào Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty này (xem thuyết minh I.7).
- Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ đối chiếu công nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 của các khoản mục sau:

Khoản mục	Số tiền (VND)	Thuyết minh
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	39.309.824.576	V.26
Vay và nợ dài hạn	3.078.906.000	V.29

Với những tài liệu hiện có ở Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, chúng tôi cũng không thể kiểm tra tính đúng đắn của các khoản công nợ tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác cũng như ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các khoản công nợ này đến kết quả kinh doanh.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề sau:

- Khoản công nợ đang tranh chấp với Manuchar Hong Kong Limited (thuyết minh VIII.2).
- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam vẫn chưa nhận được Biên bản bàn giao chính thức từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần.
- Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam áp dụng hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (thuyết minh IV.20, V.31 và VIII.10).

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

(*Đã ký*)

Phùng Thị Quang Thái – Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

(*Đã ký*)

Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1539/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 05 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272,514,553,625	358,030,236,377
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	152,677,941,966	224,812,921,955
1. Tiền	111		61,255,174,645	132,701,321,955
2. Các khoản tương đương tiền	112		91,422,767,321	92,111,600,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,500,000,000	1,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1,500,000,000	1,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99,112,978,344	107,290,195,038
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	73,447,899,730	82,982,816,357
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2,334,142,531	11,246,195,433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	24,851,898,598	14,662,711,553
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,520,962,515)	(1,601,528,305)
IV. Hàng tồn kho	140		569,960	3,365,151
1. Hàng tồn kho	141		569,960	3,365,151
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19,223,063,355	24,423,754,233
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	322,131,253	615,351,966
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,095,034,002	4,067,040,163
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.23	216,498,357	923,164,736
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	13,589,399,743	18,818,197,368

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188,870,956,807	154,592,501,200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		241,783,200	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		241,783,200	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		87,711,447,402	91,175,918,392
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	39,113,442,203	47,062,031,118
<i>Nguyên giá</i>	222		93,617,814,205	98,367,723,672
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54,504,372,002)	(51,305,692,554)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14,114,403,744	11,592,937,946
<i>Nguyên giá</i>	228		14,426,258,647	11,981,816,012
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(311,854,903)	(388,878,066)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	34,483,601,455	32,520,949,328
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	66,857,460,675	35,392,119,812
<i>Nguyên giá</i>	241		77,196,265,456	42,411,358,492
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(10,338,804,781)	(7,019,238,680)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		30,605,742,490	23,717,721,506
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	3,281,370,000	3,281,370,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	16,352,454,959	7,940,485,755
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	14,197,037,849	13,876,977,439
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(3,225,120,318)	(1,381,111,688)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,454,523,040	4,306,741,490
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	2,219,842,288	2,543,042,531
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	461,002,158	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	773,678,594	1,763,698,959
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u><u>461,385,510,432</u></u>	<u><u>512,622,737,577</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		253,023,149,292	316,853,637,162
I. Nợ ngắn hạn	310		247,447,711,135	311,780,151,014
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	4,400,000,000	5,622,631,000
2. Phải trả người bán	312	V.21	44,783,879,039	48,147,276,158
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	21,925,381,638	30,518,253,132
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	8,456,997,044	13,255,695,964
5. Phải trả người lao động	315	V.24	34,921,769,356	32,562,614,399
6. Chi phí phải trả	316	V.25	14,711,932,748	8,849,687,639
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	104,898,224,110	154,571,261,044
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	13,349,527,200	18,252,731,678
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,575,438,157	5,073,486,148
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.28	157,138,032	202,483,408
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	3,078,906,000	3,078,906,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	1,499,194,125	1,792,096,740
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		840,200,000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		204,988,091,952	181,577,112,051
I. Vốn chủ sở hữu	410		204,988,091,952	181,577,112,051
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	116,500,000,000	116,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.31	8,502,894,889	3,129,560,543
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	26,162,611,821	24,737,700,420
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	6,611,559,203	5,558,479,791
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	6,790,802,453	5,021,439,697
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	40,420,223,586	26,629,931,600
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	3,374,269,188	14,191,988,364
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		461,385,510,432	512,622,737,577

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		463,729,000	463,729,000
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		2,888,152.11	4,460,725.02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2012

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
Người lập biểu*(Đã ký)*

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán*(Đã ký)*

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	691,702,768,116	568,609,357,991
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	691,702,768,116	568,609,357,991
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	604,284,181,777	478,574,284,838
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87,418,586,339	90,035,073,153
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	27,657,930,129	27,473,930,437
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	8,183,196,210	3,948,942,032
Trong đó: chi phí lãi vay	23		736,522,000	652,722,832
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	70,995,207,396	76,530,700,077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,898,112,862	37,029,361,481
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2,062,801,719	6,584,463,666
12. Chi phí khác	32	VI.7	708,612,387	1,686,710,242
13. Lợi nhuận khác	40		1,354,189,332	4,897,753,424
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		8,048,661,639	5,917,606,643
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45,300,963,833	47,844,721,548
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	9,692,750,077	9,199,278,614
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.18	(461,002,158)	119,319,072
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36,069,215,914</u>	<u>38,526,123,862</u>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		220,049,754	4,278,411,266
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>35,849,166,160</u>	<u>34,247,712,596</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>3,077</u>	<u>2,940</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2012

*(Đã ký)**(Đã ký)**(Đã ký)*Võ Trung Thắng
Người lập biểuPhan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toánVũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,544,004,014,331	1,242,585,912,527
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,075,431,770,342)	(832,989,571,476)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(100,075,468,328)	(99,068,322,688)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(785,724,000)	(885,971,250)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.23	(12,676,180,442)	(7,066,011,580)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,468,677,216,267	1,674,914,313,895
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,883,603,909,480)	(1,942,239,196,318)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(59,891,821,994)	35,251,153,110
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,10,11,12; VII.2	(22,510,853,104)	(20,623,902,188)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	668,181,818	5,582,363,637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.3	(190,835,575,830)	(110,351,060,140)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.3	192,704,334,652	118,699,192,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,520,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2,728,974,752	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3,V.5,V.15	23,789,685,698	20,126,832,963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4,024,747,986	13,433,426,272

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20, VII.2	2,635,851,146	5,150,120,913
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20, V.29	(8,258,482,146)	(9,163,949,913)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(13,980,000,000)	(12,814,059,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19,602,631,000)	(16,827,888,500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(75,469,705,007)	31,856,690,882
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224,812,921,955	187,113,826,840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3,334,725,018	5,842,404,233
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	152,677,941,966	224,812,921,955
			-	0
				0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2012

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

(Đã ký)

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương); Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.
- Tổng số các công ty con** : 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ^(*)	Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam ^(**)	Lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51%	51%

^(*) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2011, Công ty mẹ đã chuyển nhượng 11% vốn sở hữu tại Công ty TNHH China Shipping Việt Nam nên vẫn hợp nhất Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty này. Tuy nhiên, Công ty TNHH China Shipping Việt Nam chưa hoàn tất thủ tục đăng ký lại với cơ quan thẩm quyền về việc thay đổi cơ cấu vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(**) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam chưa được kiểm toán.

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Không có Báo cáo tài chính do đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009

7. Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) ^(*)	Phòng 602, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ^(**)	Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%

(*) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) chưa được kiểm toán.

(**) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2011, Công ty TNHH China Shipping Việt Nam trở thành Công ty liên kết do Công ty mẹ đã chuyển nhượng 11% vốn sở hữu tại Công ty này.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 731 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 779 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bắt động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bắt động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.8.

10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Riêng quyền sử dụng đất tại xã Phú Mỹ, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh được khấu hao trong 43 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian từ 3 - 5 năm.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong 3 năm

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty mẹ

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Công ty TNHH China Shipping Việt Nam

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty mẹ như sau:

Hàng năm, Công ty mẹ sẽ trích lập Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ. Mức trích lập hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và sẽ trích lập cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ.

Ngoài ra, Tập đoàn sẽ trích lập các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh và Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát Công ty mẹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Tập đoàn. Việc trích lập các quỹ này do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty mẹ.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm (mút xộp) được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận theo từng loại hình dịch vụ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu đại lý tàu được ghi nhận khi tập hợp đầy đủ các chứng từ đầu vào có liên quan (bao gồm các khoản chi hộ) và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.
- Doanh thu đại lý vận tải được ghi nhận theo quyết toán từng lô hàng đã hoàn thành dịch vụ trong kỳ do Phòng đại lý lập trên cơ sở trích trước các khoản chi phí có liên quan.
- Doanh thu khác được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành và đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.718.178.777	4.729.249.851
Tiền gửi ngân hàng ^(a)	57.536.995.868	127.972.072.104
Các khoản tương đương tiền ^(b)	91.422.767.321	92.111.600.000
Cộng	<u>152.677.941.966</u>	<u>224.812.921.955</u>

^(a) Trong đó, khoản tiền ký ngân của các hãng tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 5.142.652.156 VND.

^(b) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Công ty mẹ.

3. Phải thu khách hàng

Khoản tiền phải thu của các chủ tàu, Đại lý vận tải và các khách hàng về dịch vụ đã cung cấp.

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ (*)	1.313.894.131	1.995.096.343
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp liên quan đến xây dựng cơ bản (Vosa Quảng Ninh)	1.020.248.400	9.251.099.090
Cộng	<u>2.334.142.531</u>	<u>11.246.195.433</u>

(*) Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ về các khoản thu chi hộ: trả tiền cảng phí, hoa tiêu, dịch vụ cung cấp nước và các dịch vụ khác.

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	617.013.527	290.654.319
Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	293.270.387	298.685.252
Bảo hiểm xã hội	61.686.920	31.527.371
Lãi góp vốn liên doanh phải thu	-	13.170.999
Thu chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	19.804.062.223	9.929.673.908
Khoản phải thu khác	4.075.865.541	4.098.999.704
Cộng	<u>24.851.898.598</u>	<u>14.662.711.553</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết phát sinh dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.520.962.515	1.601.528.305
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	-	17.694.182
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	79.642.695	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	74.992.784	50.064.277
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	1.366.327.036	1.533.769.846
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	<u>1.520.962.515</u>	<u>1.601.528.305</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.601.528.305	918.042.549
Số trích lập trong năm	152.635.836	683.485.756
Hoàn nhập dự phòng	(233.201.626)	-
Số cuối năm	<u>1.520.962.515</u>	<u>1.601.528.305</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	10.480.500	-
Chi phí bảo hiểm	29.059.504	77.287.914
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	39.570.000	136.181.818
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	243.021.249	401.882.234
Cộng	<u>322.131.253</u>	<u>615.351.966</u>

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.762.101.132	9.006.602.757
Tài sản thiếu chờ xử lý	91.880.211	91.880.211
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.735.418.400	9.719.714.400
<i>Ký quỹ bảo lãnh, bảo đảm thanh toán cho các hãng tàu của Northern Freight</i>	-	4.523.216.000
<i>Ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không</i>	2.512.360.000	3.240.440.000
<i>Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng</i>	906.058.400	729.058.400
<i>Ký quỹ mượn vỏ container lạnh của Vosa Quảng Ninh</i>	300.000.000	1.210.000.000
<i>Ký quỹ ngắn hạn khác</i>	17.000.000	17.000.000
Cộng	<u>13.589.399.743</u>	<u>18.818.197.368</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	52.550.959.083	1.977.349.026	38.944.509.699	4.894.905.864	98.367.723.672
Tăng trong năm	822.333.008	73.319.000	-	345.837.673	1.241.489.681
<i>Mua sắm mới</i>	219.552.185	73.319.000	-	345.837.673	638.708.858
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	602.780.823	-	-	-	602.780.823
Giảm trong năm	-	-	(5.520.414.040)	(470.985.108)	(5.991.399.148)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(1.632.858.375)	(112.163.528)	(1.745.021.903)
<i>Giảm khác (*)</i>	-	-	(3.887.555.665)	(358.821.580)	(4.246.377.245)
Số cuối năm	<u>53.373.292.091</u>	<u>2.050.668.026</u>	<u>33.424.095.659</u>	<u>4.769.758.429</u>	<u>93.617.814.205</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	6.515.918.484	608.027.010	8.957.090.057	3.449.619.054	19.530.654.605
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	23.924.186.805	856.879.695	22.841.093.085	3.683.532.969	51.305.692.554
Khấu hao trong năm	3.496.072.233	207.970.013	2.848.723.723	758.070.148	7.310.836.117
Giảm trong năm	-	-	(3.757.292.734)	(354.863.935)	(4.112.156.669)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(1.183.608.375)	(100.163.528)	(1.283.771.903)
<i>Giảm khác (*)</i>	-	-	(2.573.684.359)	(254.700.407)	(2.828.384.766)
Số cuối năm	<u>27.420.259.038</u>	<u>1.064.849.708</u>	<u>21.932.524.074</u>	<u>4.086.739.182</u>	<u>54.504.372.002</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	28.626.772.278	1.120.469.331	16.103.416.614	1.211.372.895	47.062.031.118
Số cuối năm	<u>25.953.033.053</u>	<u>985.818.318</u>	<u>11.491.571.585</u>	<u>683.019.247</u>	<u>39.113.442.203</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Giảm tài sản cố định của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.582.034.003	399.782.009	11.981.816.012
Mua sắm mới	2.646.702.360	383.682.884	3.030.385.244
Giảm trong năm	-	(585.942.609)	(585.942.609)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(28.000.000)	(28.000.000)
<i>Giảm khác (*)</i>	-	(557.942.609)	(557.942.609)
Số cuối năm	14.228.736.363	197.522.284	14.426.258.647
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	29.422.284	29.422.284
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	140.630.317	248.247.749	388.878.066
Khấu hao trong năm	33.751.276	101.250.118	135.001.394
Giảm trong năm	-	(212.024.557)	(212.024.557)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(28.000.000)	(28.000.000)
<i>Giảm khác (*)</i>	-	(184.024.557)	(184.024.557)
Số cuối năm	174.381.593	137.473.310	311.854.903
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.441.403.686	151.534.260	11.592.937.946
Số cuối năm	14.054.354.770	60.048.974	14.114.403.744
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

(*) Giảm tài sản cố định của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	-	1.004.215.595	-	-	1.004.215.595

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ và bất động sản đầu tư trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	32.520.949.328	36.764.041.762	(35.387.687.787)	(417.917.443)	33.479.385.860
<i>Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn (*)</i>	<i>31.795.873.128</i>	<i>762.626.250</i>	<i>-</i>	<i>(215.913.000)</i>	<i>32.342.586.378</i>
<i>Chi phí xây dựng kho thức ăn gia súc Quảng Ninh</i>	<i>351.396.757</i>	<i>33.014.384.207</i>	<i>(33.365.780.964)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí nâng cấp trụ sở tại Bãi Cháy Quảng Ninh, xây dựng mới khách sạn</i>	<i>161.498.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>161.498.000</i>
<i>Dự án xây dựng kho ngoại quan Móng Cái (Quảng Ninh)</i>	<i>-</i>	<i>392.918.182</i>	<i>(392.918.182)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Dự án mở rộng sân bê tông chứa dăm gỗ (Quảng Ninh)</i>	<i>-</i>	<i>903.843.100</i>	<i>(903.843.100)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Dự án mở rộng đường vào kho khu kho bãi Cái Lân (Quảng Ninh)</i>	<i>-</i>	<i>286.542.900</i>	<i>(286.542.900)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>212.181.443</i>	<i>1.403.727.123</i>	<i>(438.602.641)</i>	<i>(202.004.443)</i>	<i>975.301.482</i>
Cộng	<u>32.520.949.328</u>	<u>37.768.257.357</u>	<u>(35.387.687.787)</u>	<u>(417.917.443)</u>	<u>34.483.601.455</u>

(*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (Vosaland) với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Các công trình nhà kho và sân bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá

Số đầu năm	42.411.358.492
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	34.784.906.964
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	<u>77.196.265.456</u>

Trong đó:

<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>100.800.000</i>
--	--------------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	7.019.238.680
Khấu hao trong năm	3.319.566.101
Số cuối năm	<u>10.338.804.781</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	35.392.119.812
Số cuối năm	<u>66.857.460.675</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (*) Trong đó, một số công trình xây dựng cơ bản của Công ty mẹ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng Công ty mẹ chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình. Do vậy, Công ty mẹ đã tạm kết chuyển bất động sản đầu tư để trích khấu hao theo quy định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 9.062.599.093 VND (thuyết minh V.25).

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	12.144.548.188	9.159.720.035
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	3.319.566.101	2.231.350.624
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

13. Đầu tư vào công ty con

Số dư cuối năm là khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH SYMS Việt Nam bị loại khỏi quá trình hợp nhất do không có Báo cáo tài chính.

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SYMS Việt Nam ⁽ⁱ⁾	cung cấp dịch vụ hàng hải; dịch vụ đại lý giao nhận hàng hóa nội địa và quốc tế; dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa	6.400.000.000 VND tương đương USD 400,000.00	51%	51%
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	100.000.000.000 VND	51%	51%
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Môi giới hàng hải, dịch vụ đại lý tàu biển và đại lý vận tải bằng tàu biển	USD 500,000.00	40%	51%

- (i) Công ty này đã hoàn tất thủ tục giải thể trong tháng 12 năm 2009 nhưng Công ty chưa liên hệ được với bên đối tác liên doanh nên chưa thanh lý khoản đầu tư này.

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309586799 ngày 18 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã đầu tư 3.060.000.000 VND, tương đương 51% vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông (số đầu năm là 3.060.000.000 VND, tương đương 51% vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam là 47.940.000.000 VND, trong đó chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty này với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (thuyết minh V.11).

- (iii) Ngày 30 tháng 6 năm 2011 Tập đoàn đã chuyển nhượng 11% cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn trong Công ty TNHH China Shipping Việt Nam cho China Shipping Regional Holding SDN. BHD với giá chuyển nhượng là USD 131,118.76 tương đương 2.728.974.752 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về chuyển nhượng công ty con

Tài sản và nợ phải trả của công ty con tại ngày chuyển nhượng như sau:

	Công ty TNHH China Shipping Việt Nam
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.729.360.628
Phải thu khách hàng	5.608.663.325
Các khoản phải thu khác	1.111.423.723
Chi phí trả trước ngắn hạn	88.593.357
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	466.965.443
Tài sản ngắn hạn khác	504.063.925
Tài sản cố định hữu hình	1.418.518.406
Tài sản cố định vô hình	373.392.125
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.000.000
Tài sản dài hạn khác	1.020.935.739
Các khoản phải trả	(38.001.823.478)
Tài sản thuần	22.341.093.193
Tài sản thuần được bán tương ứng tỷ lệ lợi ích đã chuyển nhượng (11%) (a)	2.457.520.251
Giá chuyển nhượng (b)	2.728.974.752
Lợi nhuận [(b) – (a)]	271.454.501

Tiền thu thuần từ việc chuyển nhượng công ty con:

	Năm nay	Năm trước
Thu bằng tiền	2.728.974.752	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	(49.729.360.628)	-
Tiền thu thuần	(47.000.385.876)	-

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty con được chuyển nhượng lần lượt là 13.801.477.429 VND và 1.274.130.458 VND.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	49%	8.937.871.094	49%	7.940.485.755
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ⁽ⁱ⁾	40%	7.414.583.865	-	-
Cộng		16.352.454.959		7.940.485.755

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Các khoản khác (*)</u>	<u>Phản lãi hoặc lỗ trong năm</u>	<u>Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u>
Công ty TNHH NYK Line Việt Nam	7.940.485.755	-	6.877.385.339	(5.880.000.000)	8.937.871.094
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	-	8.397.811.335	1.171.276.300	(2.154.503.770)	7.414.583.865
Cộng	<u>7.940.485.755</u>	<u>8.397.811.335</u>	<u>8.048.661.639</u>	<u>(8.034.503.770)</u>	<u>16.352.454.959</u>

(*) Các khoản khác bao gồm:

Giá trị phần sở hữu tại thời điểm chuyển sang

Công ty liên kết

8.936.437.277

Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Công ty

TNHH China Shipping Việt Nam

(538.625.942)

Tiền thu thuần

8.397.811.335

15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu dài hạn		9.420.160.000		7.400.160.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	913.390	7.400.160.000	799.217	7.400.160.000
- Công ty cổ phần Thép Việt Nam	202.000	2.020.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác		4.776.877.849		4.265.795.099
- Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (*)		3.259.716.000		3.259.716.000
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen		517.161.849		506.079.099
- Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Hàng hải		500.000.000		-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng		-		2.211.022.340
Cộng		<u>14.197.037.849</u>		<u>13.876.977.439</u>

(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH NYK Logistics Việt Nam) với tỷ lệ góp vốn là 51% nhưng có thỏa thuận nhận lãi cố định và không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam: tăng do trong năm Công ty cổ phần hàng hải Việt Nam được chia cổ phiếu thưởng với số lượng 114.173 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty liên doanh Bông Sen: tăng do trong năm Công ty cổ phần hàng hải Việt Nam được chia lãi liên doanh nhưng để lại tăng vốn đầu tư.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	1.844.008.630	-
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	1.381.111.688	1.381.111.688
- Công ty TNHH SYMS Việt Nam	<i>1.381.111.688</i>	<i>1.381.111.688</i>
Cộng	<u>3.225.120.318</u>	<u>1.381.111.688</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.381.111.688	1.381.111.688
Trích lập dự phòng bổ sung	1.844.008.630	-
Số cuối năm	<u>3.225.120.318</u>	<u>1.381.111.688</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí sửa chữa	110.305.901	27.684.075	(137.989.976)	-
Công cụ, dụng cụ	335.398.775	504.349.323	(564.829.740)	274.918.358
Tiền thuê đất trả trước	1.951.604.718	-	(60.049.380)	1.891.555.338
Chi phí trả trước dài hạn khác	145.733.137	24.416.182	(116.780.727)	53.368.592
Cộng	<u>2.543.042.531</u>	<u>556.449.580</u>	<u>(879.649.823)</u>	<u>2.219.842.288</u>

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	119.319.072
Phát sinh trong năm	461.002.158	-
Hoàn nhập trong năm	-	(119.319.072)
Số cuối năm	<u>461.002.158</u>	<u>-</u>

19. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ bảo lãnh, bảo đảm thanh toán cho các hãng tàu của North Freight	-	149.310.400
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	759.678.594	579.452.820
Ký quỹ dài hạn khác	14.000.000	1.034.935.739
Cộng	<u>773.678.594</u>	<u>1.763.698.959</u>

20. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	5.622.631.000	9.451.460.000
Số tiền vay phát sinh	7.035.851.146	5.150.120.913
Số tiền vay đã trả	(8.258.482.146)	(8.978.949.913)
Số cuối năm	4.400.000.000	5.622.631.000

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán cung cấp dịch vụ (*)	43.877.456.717	47.959.307.215
Phải trả người bán liên quan đến xây dựng cơ bản	906.422.322	187.968.943
Cộng	44.783.879.039	48.147.276.158

(*) Số tiền còn phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ nâng hạ container, thuê kho, các dịch vụ thu chi hộ, ...).

22. Người mua trả tiền trước

Số tiền khách hàng trả trước về dịch vụ Công ty sẽ cung cấp.

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác (**)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	(271.694.372)	10.534.153.809	(9.653.535.463)	-	608.923.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.715.437.187	9.692.750.077	(12.676.180.442)	(423.410.380)	3.308.596.442
Thuế thu nhập cá nhân (*)	1.714.622.719	6.729.412.160	(7.189.489.917)	(178.848.919)	1.075.696.043
Tiền thuê đất	293.665.300	1.978.207.924	(1.411.616.724)	-	860.256.500
Các loại thuế khác (*)	3.880.500.394	38.610.315.910	(37.775.250.834)	(2.328.539.742)	2.387.025.728
Cộng	12.332.531.228	67.544.839.880	(68.706.073.380)	(2.930.799.041)	8.240.498.687

(*) Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT	-	565.310.772
Thuế thu nhập cá nhân	33.493.669	31.999.776
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.820.255	17.820.255
Thuế cước	165.184.433	308.033.933
Cộng	216.498.357	923.164.736

(**) Giảm các khoản thuế phải nộp của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoa hồng đại lý hàng xuất và hàng nhập	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, Khu chế xuất	0%
- Hoạt động vận tải thủy bộ, đại lý tàu, container, kho bãi, ...	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo. Năm 2011 là năm thứ 5 Công ty hoạt động kinh doanh có lãi nên Công ty hết hạn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH China Shipping Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% lợi nhuận thu được từ hoạt động chính trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động và bằng 25% trong thời hạn hoạt động còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm phát sinh tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	9.273.239.015	6.323.909.402
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	419.511.062	2.875.369.212
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	-
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Tập đoàn	9.692.750.077	9.199.278.614

Tiền thuê đất

Công ty mẹ phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích 2.350m² đất tại Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc (North Freight) và Đại lý Hàng hải Hải Phòng đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.
- Diện tích 10.000 m² đất tại đường Đào Trí, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Thuế cước, thuế nhà thầu

Các khoản thuế nộp hộ cho các chủ tàu nước ngoài thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ cảng biển Việt Nam ra nước ngoài, thuế lưu container.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được trích theo Quyết định số 182^A/QĐ-TGD ngày 25 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam là 2.400 VND/1.000 VND lợi nhuận với chỉ tiêu kế hoạch doanh thu đạt 575.000.000.000 VND/năm và chỉ tiêu lợi nhuận tối thiểu là 42.000.000.000 VND.

Chi tiết số dư cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ tiền lương chưa chi hết cho người lao động	20.921.769.356	19.062.854.399
Quỹ tiền lương dự phòng	14.000.000.000	13.499.760.000
Cộng	34.921.769.356	32.562.614.399

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công trình XD/CB chưa quyết toán khối lượng hoàn thành (Vosa Quảng Ninh)	9.062.599.093	-
Chi phí đại lý vận tải	529.266.279	2.400.232.588
Chi phí khác	5.120.067.376	6.449.455.051
Cộng	14.711.932.748	8.849.687.639

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	20.702.897	42.003.448
Kinh phí công đoàn	1.541.664.129	1.305.627.048
Cổ tức phải trả	229.707.325	233.007.325
Lãi vay phải trả	257.998.000	307.200.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	270.723.000	334.084.000
Các khoản phải trả khác	102.577.428.759	152.349.339.223
<i>Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu^(*)</i>	<i>88.689.094.028</i>	<i>129.309.354.596</i>
<i>Tổng Công ty hàng hải Việt Nam</i>	<i>-</i>	<i>302.567.441</i>
<i>Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu</i>	<i>2.832.073.554</i>	<i>11.421.056.406</i>
<i>Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>	<i>5.637.645.752</i>	<i>5.637.645.752</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>5.418.615.425</i>	<i>5.678.715.028</i>
Cộng	104.898.224.110	154.571.261.044

(*) Trong đó, các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 39.309.824.576 VND và nợ đang tranh chấp với số tiền là 8.342.091.909 VND.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	18.252.731.678	21.233.891.158
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	5.479.634.015	6.674.867.231
Tăng khác	569.826.709	1.041.252.395
Chi quỹ trong năm	(8.918.261.932)	(10.637.279.106)
Chi bù đắp thuế TNDN truy thu từ các năm trước của North Freight	(1.099.889.193)	-
Giảm khác ^(*)	(934.514.077)	(60.000.000)
Số cuối năm	13.349.527.200	18.252.731.678

(*) Giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Phải trả dài hạn khác

Khoản phải trả dài hạn khác phát sinh tại Công ty mẹ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận tiền ký quỹ thuê văn phòng Oceanpark của Europac Shipping	46.738.032	42.483.408
Các khoản khác	110.400.000	160.000.000
Cộng	<u>157.138.032</u>	<u>202.483.408</u>

29. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn phát sinh tại Công ty mẹ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.078.906.000	3.078.906.000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong) ^(a)	3.078.906.000	3.078.906.000
Cộng	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

(a) Khoản vay dài hạn 3.078.906.000 VND # 1.980.000 RMP từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/4/1998, thời hạn vay là 25 năm và không tính lãi.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	3.078.906.000	3.078.906.000
Tổng nợ	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3.078.906.000	3.263.906.000
Số tiền vay đã trả	-	(185.000.000)
Số cuối năm	<u>3.078.906.000</u>	<u>3.078.906.000</u>

30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.792.096.740	1.543.793.037
Số trích lập trong năm	1.031.541.746	451.606.337
Số chi trong năm	(692.540.459)	(203.302.634)
Giảm khác ^(*)	(631.903.902)	-
Số cuối năm	<u>1.499.194.125</u>	<u>1.792.096.740</u>

(*) Giảm quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển từ Công ty con thành Công ty liên kết.

31. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 49.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	13.980.000.000	12.814.059.500
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	<u>13.980.000.000</u>	<u>12.814.059.500</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.650.000	11.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.650.000</i>	<i>11.650.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.650.000	11.650.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.650.000</i>	<i>11.650.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được dùng để phục vụ đối ngoại, phát triển kinh doanh và bổ sung vốn điều lệ.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	14.191.988.364	9.780.157.398
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(404.274.170)	4.278.411.266
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá tương ứng lợi ích của cổ đông thiểu số	-	229.792.278
Tăng do góp vốn bổ sung trong năm	-	1.500.000.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	-	(1.266.902.146)
Giảm do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(329.470.432)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam do chuyển sang Công ty liên kết	(10.413.090.482)	-
Giảm khác	(354.524)	-
Số cuối năm	<u>3.374.269.188</u>	<u>14.191.988.364</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	691.702.768.116	568.609.357.991
- Doanh thu đại lý tàu	100.103.500.999	73.275.170.836
- Doanh thu đại lý vận tải	440.738.563.791	359.822.617.950
- Doanh thu kiểm kiện	12.966.005.164	12.507.257.134
- Doanh thu kho ngoại quan	51.779.191.120	13.639.953.479
- Doanh thu hoa hồng hàng xuất khẩu, nhập khẩu	3.228.175.153	12.386.616.894
- Doanh thu sản xuất kinh doanh mút xốp	9.130.994.564	7.563.945.055
- Doanh thu cho thuê sà lan, tàu lai	27.418.432.384	24.277.121.157
- Doanh thu cho thuê nhà kho, khách sạn	8.813.801.805	8.337.487.322
- Doanh thu dịch vụ khác	37.524.103.136	56.799.188.164
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>691.702.768.116</u>	<u>568.609.357.991</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	86.499.800.026	75.119.847.338
Chi phí vật liệu bao bì	10.601.942.983	8.647.581.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.683.048.772	7.927.092.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.804.952.750	272.149.498.825
Chi phí khác	28.694.437.246	114.730.265.013
Cộng	<u>604.284.181.777</u>	<u>478.574.284.838</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.145.290.793	9.462.977.997
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.089.328.410	973.776.272
Lãi đầu tư Công trái, trái phiếu Chính phủ	-	4.840.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.339.536.466	2.446.970.130
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.508.751.117	13.940.947.818
Lãi bán ngoại tệ	942.079.879	644.418.220
Lãi chuyển nhượng vốn	271.454.501	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	361.488.963	-
Cộng	<u>27.657.930.129</u>	<u>27.473.930.437</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	736.522.000	652.722.832
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.325.008.115	3.249.588.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.849.750	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.844.377.626	-
Chi phí tài chính khác	240.438.719	46.630.356
Cộng	<u>8.183.196.210</u>	<u>3.948.942.032</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	41.079.250.421	44.662.412.736
Chi phí nguyên vật liệu	1.270.525.687	1.395.048.365
Chi phí công cụ dụng cụ	1.870.435.214	1.913.240.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.082.354.840	2.244.061.492
Thuế, phí, lệ phí	1.317.912.500	1.307.752.843
Chi phí dự phòng	218.250.756	803.077.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.899.804.230	15.049.018.348
Chi phí khác	10.256.673.748	9.156.088.487
Cộng	<u>70.995.207.396</u>	<u>76.530.700.077</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	668.181.818	5.582.363.637
Các khoản thu nhập khác	1.394.619.901	1.002.100.029
Cộng	<u>2.062.801.719</u>	<u>6.584.463.666</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	461.250.000	1.466.877.765
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.273.506	48.221.094
Các khoản chi phí khác	246.088.881	171.611.383
Cộng	<u>708.612.387</u>	<u>1.686.710.242</u>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	35.849.166.160	34.247.712.596
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông Công ty mẹ	35.849.166.160	34.247.712.596
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	11.650.000	11.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.077</u>	<u>2.940</u>

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.650.000	11.650.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>11.650.000</u>	<u>11.650.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.872.468.670	10.042.629.575
Chi phí nhân công	127.579.050.447	119.782.260.074
Chi phí công cụ dụng cụ	1.870.435.214	1.913.240.339
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.765.403.612	10.171.153.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	482.704.756.980	287.198.517.173
Chi phí khác	40.487.274.250	125.997.183.810
Cộng	<u>675.279.389.173</u>	<u>555.104.984.915</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không được phép sử dụng khoản tiền người mua trả trước, số tiền 5.142.652.156 VND (xem thuyết minh số V.1) do các ràng buộc mà Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thực hiện với các hãng tàu.

2. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn đã mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ với số tiền 906.422.322 VND chưa thanh toán cho nhà cung cấp đồng thời cũng đã ứng trước cho nhà cung cấp để thực hiện các hợp đồng xây dựng cơ bản tại Vosa Quảng Ninh với số tiền là 1.020.248.400 VND (thuyết minh V.4).

Ngoài ra, một số công trình xây dựng cơ bản của Công ty mẹ (Vosa Quảng Ninh) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng chưa hoàn thành thủ tục nghiệm thu, quyết toán công trình. Do vậy, Công ty mẹ đã tạm kết chuyển tài sản cố định với giá trị ước tính chưa quyết toán là 9.062.599.093 VND (thuyết minh V.12 và V.25).

Công ty mẹ đã điều chỉnh tiền thuê đất các năm trước đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh với số tiền là 726.626.250 VND tăng giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang “Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn” theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước.

Công ty mẹ đã nhận nợ vay cán bộ công nhân viên từ khoản lương chưa thanh toán cho người lao động với số tiền là 4.400.000.000 VND.

3. Các giao dịch khác

Trong năm, Công ty mẹ đã chi tiền để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền lần lượt là 190.835.575.830 VND và 192.704.334.652 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.6 đến VIII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Nợ tiềm tàng

Hiện tại, sổ sách kế toán của Công ty mẹ đang phản ánh khoản nợ phải trả Manuchar Hong Kong Limited số tiền là 8.342.091.909 VND (thuyết minh V.26). Tuy nhiên, Manuchar Hong Kong Limited lại khởi kiện đòi Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phải thanh toán số tiền là 5,965,008.84 USD (bao gồm nợ tiền hàng là 4,886,233.84 USD và lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 11 năm 2009 là 1,078,775.00 USD) tương đương 124.239.204.119 VND (quy đổi theo tỷ giá 20.828 VND/USD). Theo phiên hòa giải diễn ra ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam trình bày chỉ còn phải trả Manuchar số tiền 14,328.40 USD tương đương 298.431.915 VND (quy đổi theo tỷ giá 20.828 VND/USD) Hiện tại chưa có phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.260.991.205	3.389.745.337
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	62.278.969	33.907.704
Phụ cấp	668.969.050	645.039.000
Tiền thưởng	879.936.950	480.122.000
Cộng	4.872.176.174	4.548.814.041

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đồng góp vốn	51%

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	7.137.360.000	6.542.580.000

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là các dịch vụ về đại lý hàng hải.

4. Các sai sót

Các năm trước, Tập đoàn trình bày giá trị Bất động sản đầu tư tại chỉ tiêu “ Tài sản cố định hữu hình” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh
			Các điều chỉnh	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản cố định hữu hình	221	82.454.150.930	(35.392.119.812)	47.062.031.118
<i>Nguyên giá</i>	222	140.779.082.164	(42.411.358.492)	98.367.723.672
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(58.324.931.234)	7.019.238.680	(51.305.692.554)
Bất động sản đầu tư	240	-	35.392.119.812	35.392.119.812
<i>Nguyên giá</i>	241	-	42.411.358.492	42.411.358.492
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242	-	(7.019.238.680)	(7.019.238.680)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.677.941.966	224.812.921.955	152.677.941.966	224.812.921.955
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	3.711.022.340	1.500.000.000	3.711.022.340
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	12.353.029.219	13.876.977.439	12.353.029.219	13.876.977.439
Phải thu khách hàng	71.926.937.215	81.381.288.052	71.926.937.215	81.381.288.052
Các khoản phải thu khác	29.360.995.592	26.146.124.912	29.360.995.592	26.146.124.912
Cộng	267.818.903.992	349.928.334.698	267.818.903.992	349.928.334.698
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	44.783.879.039	48.147.276.158	44.783.879.039	48.147.276.158
Vay và nợ	7.478.906.000	8.701.537.000	7.478.906.000	8.701.537.000
Các khoản phải trả khác	156.187.669.073	197.978.143.230	156.187.669.073	197.978.143.230
Cộng	208.450.454.112	254.826.956.388	208.450.454.112	254.826.956.388

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Tập đoàn ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản nào dùng để đảm bảo cho các đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu chuyển tiền ký ngân đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	44.783.879.039	-	-	44.783.879.039
Vay và nợ	4.400.000.000	-	3.078.906.000	7.478.906.000
Các khoản phải trả khác	154.688.474.948	1.499.194.125	-	156.187.669.073
Cộng	203.872.353.987	1.499.194.125	3.078.906.000	208.450.454.112
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	48.147.276.158	-	-	48.147.276.158
Vay và nợ	5.622.631.000	-	3.078.906.000	8.701.537.000
Các khoản phải trả khác	196.186.046.490	1.792.096.740	-	197.978.143.230
Cộng	249.955.953.648	1.792.096.740	3.078.906.000	254.826.956.388

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty mẹ không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ tại ngày lập báo cáo vì việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (thuyết minh IV.20).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty mẹ không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty mẹ nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty mẹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu giao dịch OTC của Công ty mẹ là 8.076.151.370 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.492.170.000 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sẽ giảm/tăng khoảng 605.711.353 VND (năm trước là 636.912.750 VND).

10. Thông tin khác

Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam áp dụng hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính (thuyết minh IV.20 và V.31).

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hiện đang ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 35.570.030.177 VND và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 40.141.087.603 VND. Nếu Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” thì Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ là 44.072.925.066 VND, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ là 48.643.982.492 VND.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2012

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

(Đã ký)

Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	5,170,575,744	22,913,607,721	3,391,547,859	627,269,383	20,456,010,666	169,059,011,373
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	34,247,712,596	34,247,712,596
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1,824,092,699	2,166,931,932	4,827,330,125	(15,493,221,987)	(6,674,867,231)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(12,815,000,000)	(12,815,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(239,100,000)	-	(239,100,000)
Các khoản khác	-	(2,041,015,201)	-	-	(194,059,811)	234,430,325	(2,000,644,687)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	3,129,560,543	24,737,700,420	5,558,479,791	5,021,439,697	26,629,931,600	181,577,112,051
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	3,129,560,543	24,737,700,420	5,558,479,791	5,021,439,697	26,629,931,600	181,577,112,051
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	35,849,166,160	35,849,166,160
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2,809,437,552	1,712,385,630	2,054,862,756	(12,056,319,953)	(5,479,634,015)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(13,980,000,000)	(13,980,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(285,500,000)	-	(285,500,000)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận sau thuế từ quỹ khen thưởng phúc lợi khoản thuế truy thu của North Freight theo Biên bản quyết toán thuế 2006	-	-	-	-	-	1,099,889,193	1,099,889,193
Chênh lệch tỷ giá	-	5,467,297,934	-	-	-	-	5,467,297,934
Các khoản khác (*)	-	(93,963,588)	(1,384,526,151)	(659,306,218)	-	2,877,556,586	739,760,629
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	8,502,894,889	26,162,611,821	6,611,559,203	6,790,802,453	40,420,223,586	204,988,091,952

(*) Điều chỉnh các quỹ và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH China Shipping Việt Nam tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam là 51% do chuyển từ Công ty con sang Công ty liên kết

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2012

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
 Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
 Phó phụ trách Phòng Tài chính kế toán

(Đã ký)

Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc